

VÀI SUY NGHĨ VỀ DẠY THƠ THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI (TRƯỜNG HỢP DẠY HỌC BÀI THƠ TIẾNG VIỆT CỦA LƯU QUANG VŨ VÀ MƯA XUÂN CỦA NGUYỄN BÌNH)

Lê Trà My

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn chủ trương dạy các văn bản văn học theo thể loại. Ở bài viết này, chúng tôi trình bày quan điểm về việc dạy thể loại thơ hiện đại. Các vấn đề thể loại khá phức tạp. Khi thiết kế nội dung dạy học cần tuân thủ yêu cầu cần đạt của bài học, lựa chọn và kiến tạo cấu trúc bài dạy một cách linh hoạt theo đặc trưng thể loại nói chung và theo những biểu hiện cụ thể của từng tác phẩm. Dạy thơ theo đặc trưng thể loại cần có tư duy mở, sự linh hoạt trong dạy học, không biến tri thức thể loại thành “công thức” để áp đặt cho học sinh.

Từ khóa: Nội dung dạy học, thể loại văn học, thiết kế bài giảng, thơ trữ tình.

Nhận bài ngày 25.6.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 30.7.2024

Liên hệ tác giả: Lê Trà My; Email: tramyle2311@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình phổ thông 2018 môn Ngữ văn chủ trương dạy các văn bản văn học theo thể loại. Có thể nhận thấy hệ thống bài dạy ở chương trình THCS, THPT cả ba bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Chân trời sáng tạo* và *Cánh diều* đều dựa trên điểm tựa thể loại văn học cho dù cách đặt tên bài có thể khác nhau. Đây là điểm mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018 so với các chương trình trước đó. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là, việc dạy các tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại có gì khác so với việc dạy tác phẩm văn học ở các chương trình trước. Để giải đáp vấn đề trên, rất cần có sự chia sẻ quan điểm dạy học theo thể loại văn học trong chương trình phổ thông 2018, giải quyết từng bước những yêu cầu của việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông. Ở bài viết này, chúng tôi trình bày quan điểm về việc dạy thể loại thơ hiện đại theo đặc trưng thể loại.

Đối tượng được chọn để thực nghiệm là bài thơ *Tiếng Việt* (Lưu Quang Vũ) và *Mưa xuân* (Nguyễn Bình) – nằm trong bài học số 7, sách giáo khoa lớp 9, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

2. NỘI DUNG

Thể loại văn học là khái niệm chỉ quy luật loại hình của tác phẩm văn học. Thể loại tác phẩm có sự thống nhất, quy định lẫn nhau của đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình thức nhân vật, kết cấu, hình thức lời văn,... Nói tới thể loại là nói tới một cách tổ chức tác phẩm, một kiểu tái hiện đời sống, một cách tiếp cận đời sống, một kiểu giao tiếp nghệ thuật.

Các vấn đề liên quan lí thuyết thể loại văn học rất đa dạng. Bản thân đời sống thể loại

cũng vô cùng phong phú. Tính lịch sử, tính khu vực của thể loại chi phối đến cách kiến tạo cũng như tiếp cận thể loại, làm cho đời sống thể loại không bao giờ đứng yên, do đó, sự thống nhất về thi pháp thể loại là bất khả. Đây là một thách thức lớn đối với giáo viên khi thực hiện bài dạy theo đặc trưng thể loại. Vậy làm thế nào để tiến hành dạy học theo đặc trưng thể loại vừa phù hợp với đối tượng học sinh phổ thông lại vừa phù hợp với từng văn bản cụ thể?

2.1. Dạy học thể loại theo yêu cầu cần đạt của chương trình

Một trong những nguyên tắc để tiến hành dạy học văn bản văn học theo đặc trưng thể loại chính là bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình. Yêu cầu cần đạt hướng đến những khái niệm chung thuộc cấu trúc chung của tác phẩm văn học phục vụ việc bồi dưỡng năng lực đọc hiểu cho học sinh. Chính yêu cầu cần đạt sẽ chi phối việc hình thành nội dung giảng dạy, kiến tạo cấu trúc bài giảng, thiết kế các hoạt động dạy học. Tuy nhiên, như trên đã nói, yêu cầu cần đạt đề ra những khái niệm chung trong cấu trúc tác phẩm, còn màu sắc cụ thể của những khái niệm chung đó hiển thị trong từng tác phẩm riêng biệt lại đòi hỏi vốn tri thức sâu rộng và khả năng tiếp cận, khai thác thế giới nghệ thuật của người dạy. Cũng chính điều này sẽ đem đến sức hấp dẫn, hiệu quả riêng của mỗi bài dạy.

Bài học số 7, sách giáo khoa lớp 9, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* có chủ đề **Hồn thơ muôn điệu**. Ở bài học này, thể loại chính được dạy là thơ. Bài học có hai văn bản chính là bài thơ *Tiếng Việt* (Luu Quang Vũ) và *Mưa xuân* (Nguyễn Bính). Ngoài ra, bài thơ *Miền quê* (Nguyễn Khoa Điềm) được chọn làm văn bản thực hành. Ba văn bản này đều thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại. Có một vấn đề cần chú ý là, mỗi bài thơ có số tiếng trong mỗi dòng thơ khác nhau, do đó, được quy về các thể thơ tám chữ (*Tiếng Việt*), bảy chữ (*Mưa xuân*), sáu chữ (*Miền quê*). Tuy nhiên, các thể thơ này chủ yếu chỉ phân biệt nhau ở số tiếng trong dòng thơ, thực chất vẫn chung một loại hình thơ hiện đại, phân biệt với các thể thơ luật. Toàn bộ bài học số 7 thực hiện yêu cầu cần đạt về phát triển năng lực văn học trong đọc hiểu thể loại thơ như sau: “Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ/ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản/ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề”. Ngoài ra, bài học còn có yêu cầu về phẩm chất: “Có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ”. Những yêu cầu cần đạt này được đề xuất dựa trên yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn. Từ yêu cầu cần đạt của bài học, đối với mỗi văn bản, giáo viên cần chú ý để xây dựng mục tiêu dạy học. Dưới đây là đề xuất xây dựng mục tiêu dạy học hai văn bản thơ *Tiếng Việt* và *Mưa xuân*.

| Văn bản | Mục tiêu |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Tiếng Việt</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ <i>Tiếng Việt</i> qua các yếu tố như bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cảm hứng chủ đạo... - Hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản thơ, từ đó có được tình yêu đối với thơ ca và thêm yêu quê hương, đất nước, tiếng nói dân tộc. |

| | |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Mưa xuân</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ <i>Mưa xuân</i> qua các yếu tố như bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cảm hứng chủ đạo... - Hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản thơ, từ đó có được tình yêu đối với thơ ca và cảm nhận được vẻ đẹp của con người ở tuổi thanh xuân. |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Quan sát mục tiêu dạy học của các tiết dạy thơ, chỉ nhận ra nét khác biệt của hai bài dạy ở giáo dục phẩm chất, hầu như không nhận thấy sự khác nhau ở mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu. Yêu cầu về năng lực đọc hiểu thể loại chỉ dừng lại ở những khái niệm “rỗng”, không đo lường kết quả cụ thể của từng văn bản. Các khái niệm này phần nào được diễn giải về mặt lí thuyết trong phần *Tri thức ngữ văn* (khái niệm thể thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ; khái niệm kết cấu; một số căn cứ để xác định chủ đề). Do vậy, để khai thác được bài học phù hợp mục tiêu, giáo viên cần huy động nhiều kiến thức thể loại mà học sinh đã từng được tiếp cận, đồng thời sử dụng nhiều tri thức văn học khác để thiết kế nội dung dạy học.

2.2. Dạy học thể loại theo tiếp cận đặc trưng thể loại

Nội dung sẽ làm nên phương pháp. Nếu không nắm được tri thức thể loại thì sẽ không thiết kế hợp lí các bước dạy học theo mục tiêu tiếp cận thể loại. Tuy nhiên, dù có ý nghĩa công cụ, tri thức thể loại không thuần túy kĩ thuật. Do vậy, không thể có một cái khung chung để triển khai tất cả các bài dạy. Mỗi tác phẩm cụ thể sẽ có cấu trúc văn bản, cấu trúc hình tượng và cấu trúc nghĩa, cấu trúc giao tiếp riêng, cho nên, việc thiết kế bài dạy cũng hết sức linh hoạt. Phổ biến hiện nay là cách thiết kế theo ba đề mục lớn (tạm gọi cấu trúc chia 3): 1. *Tìm hiểu chung*/ 2. *Khám phá văn bản*/ 3. *Tổng kết*. Phần *Tìm hiểu chung* thường được triển khai để dạy tri thức ngữ văn, tìm hiểu tác giả. Phần *Khám phá văn bản* đi vào những nét chính của cấu trúc văn bản cùng ý nghĩa. Phần *Tổng kết* khái quát lại những đặc điểm chính của thể loại. Tuy nhiên, cấu trúc chia 3 này có thể có một số vấn đề bất cập. *Thứ nhất*, chủ trương chung của chương trình là đọc hiểu văn bản, những thông tin tác giả, tác phẩm được cho vào phần sau của văn bản, chỉ khai thác khi có tác dụng với việc đọc hiểu. Đôi khi, những thông tin tác giả cần gắn với việc đọc tác phẩm để khai thác một vấn đề cơ bản nào đó; khi đó, việc tách tìm hiểu tác giả với tìm hiểu tác phẩm thành hai phần có tính cơ học sẽ làm cho bài học rời rạc. *Thứ hai*, nếu phần *Tìm hiểu chung* dạy tri thức ngữ văn sẽ làm cho bài học nặng nề. Nếu những tri thức này được lồng vào các phần khai thác văn bản thì học sinh sẽ dễ cảm nhận hơn. *Thứ ba*, phần *Tổng kết* nào cũng khái quát những đặc điểm chính của thể loại sẽ dẫn đến trùng lặp các phần, các bài, tạo nên sự nhàm chán, chồng chéo.

Dạy học thể loại theo tiếp cận đặc trưng thể loại không làm cho bài học rập khuôn, mà trái lại, từ sự cảm nhận riêng, có sự hỗ trợ của công cụ lí thuyết, mỗi bài học sẽ là một thế giới đặc thù, mà mỗi thế giới đặc thù đó sẽ có những mô hình cấu trúc tương ứng. Do vậy, có thể thiết kế bài dạy theo nhiều cấu trúc khác nhau (tạm gọi là cấu trúc linh hoạt). Dưới đây là đề xuất thiết kế nội dung dạy học hai bài thơ *Tiếng Việt* và *Mưa xuân* theo cấu trúc linh hoạt.

| <i>Tiếng Việt</i> | <i>Mưa xuân</i> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>I. Đặc điểm thể thơ</p> <ol style="list-style-type: none"> Tri thức ngữ văn Thể thơ của bài thơ <i>Tiếng Việt</i> <p>II. Tác giả và chủ thể lời thơ</p> <ol style="list-style-type: none"> Tìm hiểu tác giả Chủ thể lời thơ <p>III. Mạch cảm xúc của bài thơ</p> <ol style="list-style-type: none"> Cảm nhận tiếng Việt qua cuộc sống đời thường gần gũi, dân dã. Cảm nhận vẻ đẹp và sức sống của tiếng Việt. Cảm nhận về sự hòa hợp giữa mỗi cá nhân và tiếng mẹ đẻ; trách nhiệm người cầm bút với tiếng nói dân tộc. <p>VI. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo</p> | <p>I. Xác định thể loại thơ</p> <p>II. Tác giả và chủ thể lời thơ</p> <ol style="list-style-type: none"> Tìm hiểu tác giả Chủ thể lời thơ <p>III. Kết cấu bài thơ</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố cục văn bản Mạch cảm xúc Kết cấu lặp lại (song hành) <p>V. Cảm hứng chủ đạo</p> |

Để nhận thấy những điểm trùng hợp và khác biệt trong thiết kế bài giảng hai văn bản thơ *Tiếng Việt* và *Mưa xuân*. Những điểm trùng hợp (xác định thể loại thơ, chủ thể lời thơ, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo) tô đậm những nét đặc trưng cơ bản của thơ mà yêu cầu cần đạt đã đề cập, đồng thời rèn thao tác cần thiết để học sinh đọc hiểu thơ. Hai bản thiết kế cũng có những sự khác biệt. Thứ nhất, ở bài *Tiếng Việt*, do đây là văn bản 1 nên phần đặc điểm thể thơ có mục Tri thức ngữ văn. Bài *Mưa xuân* không có mục này do có thể kế thừa trên cơ sở so sánh với văn bản 1. Thứ hai, văn bản 1 chỉ đi vào mạch cảm xúc của bài thơ trong khi văn bản 2 ngoài mạch cảm xúc còn đi vào bố cục văn bản và kết cấu song hành. Đây là cách khai thác những điểm nổi bật, giàu ý nghĩa trong kết cấu của từng tác phẩm thơ. Ví dụ, kết cấu song hành được thể hiện rất rõ ở bài *Mưa xuân*, chủ ý rõ ràng, gợi nhiều ý nghĩa. Ở bài *Tiếng Việt*, vẫn có thể phân tích kết cấu song hành, nhưng thủ pháp này mờ nhạt hơn nhiều so với bài *Mưa xuân*. Bài *Mưa xuân* còn được khai thác bố cục văn bản do bài này có tính tự sự, bố cục văn bản nương theo trình tự câu chuyện. Thứ ba, bài *Mưa xuân* có riêng phần tìm hiểu ngôn ngữ thơ. Ở bài *Tiếng Việt*, đặc trưng ngôn ngữ thơ được lồng vào phần khám phá mạch cảm xúc. Do đã được nhắc đến ở văn bản 1, nên khi dạy văn bản 2, việc khái quát thành đặc điểm ngôn ngữ thơ sẽ giúp học sinh dễ tiếp thu. Dạy ngôn ngữ thơ ở văn bản 2 sẽ có những dữ kiện văn bản này và cả những ý rải rác ở văn bản 1, từ đó quy nạp thành đặc điểm của thơ. Thứ tư, bài *Tiếng Việt* tìm hiểu chủ đề gắn với cảm hứng chủ đạo, vận dụng được tri thức ngữ văn “Một số căn cứ để xác định chủ đề”, từ đó khái quát cảm hứng chủ đạo (do cảm hứng chủ đạo và chủ đề có mối quan hệ mật thiết, khó tách rời). Ở bài *Mưa xuân* chỉ khai thác cảm hứng chủ đạo, có thể bỏ qua khái niệm chủ đề do đã được giải thích ở văn bản 1. Như vậy, sẽ có những tri thức thể loại được cài vào văn bản 1, đồng thời cũng có những tri thức thể loại được đúc kết lại ở văn bản 2.

Dưới đây là đề xuất các nội dung dạy học bài *Tiếng Việt* và *Mưa xuân* theo mô hình thiết kế trên.

| <i>Tiếng Việt</i> | <i>Mưa xuân</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>I. Đặc điểm thể thơ</p> <p>1. Tri thức ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thể thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ; - Kể tên một số bài thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ. <p>2. Thể thơ của bài thơ <i>Tiếng Việt</i></p> <p>Xác định các dấu hiệu của bài thơ <i>Tiếng Việt</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ 8 chữ. - Dòng cuối khổ 6 có 7 chữ, dòng 3 khổ 10 có 9 chữ; dòng cuối khổ 14,15 có 7 chữ. - Một số cách ngắt nhịp khác nhau (ví dụ: Tiếng thao thức/lòng trai/ôm ngọc sáng - 3/2/3; Cùng tôi/trong tiếng Việt/quay về - 2/3/2; Cao quý/thâm trầm/rực rỡ/vui tươi - 2/2/2/2). - Cách gieo vần chân, vần cách (ví dụ: sẫm - đẫm/ về - tre). - Số lượng khổ thơ: 15. <p>Thơ tám chữ tương đối linh hoạt về số chữ, cách ngắt nhịp, gieo vần, không giới hạn về số lượng khổ thơ. (Đối với HS khá giỏi, có thể nhấn mạnh đây là đặc điểm của thơ hiện đại, phân biệt với thơ luật)</p> <p>II. Tác giả và chủ thể lời thơ</p> <p>1. Tìm hiểu tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm thơ Lưu Quang Vũ: bay bổng, giàu cảm xúc, nhiều trăn trở, khát khao,... - Lưu Quang Vũ là cây bút tiêu biểu cho văn học hiện đại, có nhiều thành tựu trong sáng tác kịch, thơ. <p>2. Chủ thể lời thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được chủ thể lời thơ: là lời của một công dân bộc lộ tình yêu đối với tiếng Việt và với quê hương đất nước/ là lời của người con nước Việt gắn bó sâu sắc với tiếng mẹ đẻ và bản sắc dân tộc... - Kết nối thông tin tác giả và tư cách của chủ thể lời thơ (sống và sáng tác tại Việt Nam, luôn trăn trở, đồng vọng với các vấn đề lớn của dân tộc). <p>Chủ thể lời thơ là người trực tiếp bày tỏ những cảm nhận, suy nghĩ, hành động của mình. Chủ thể lời thơ mang hình bóng của cái tôi nhà thơ. (Chủ thể lời thơ còn gọi là chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình).</p> <p>III. Mạch cảm xúc của bài thơ</p> <p>1. Cảm nhận tiếng Việt qua cuộc sống đời thường</p> | <p>I. Xác định thể loại thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếng trong mỗi dòng thơ: 7. - Vần chân, vần liền, vần cách (già - xa; bay - đây - nay; tình - xinh). So sánh với bài <i>Tiếng Việt</i>: dùng cách hiệp vần chân liền tiếp kết hợp vần chân gián cách (bài <i>Tiếng Việt</i> dùng chủ yếu vần chân gián cách). - Cách ngắt nhịp: <i>Anh ạ!/ mùa xuân/ đã cạn ngày</i> <i>Bao giờ/ em mới gặp anh đây?</i> <i>Bao giờ/ hội Đặng/ đi ngang ngõ</i> <i>Để mẹ em rằng/ hát tới nay?</i> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh số tiếng ở mỗi dòng thơ, cách gieo vần, số câu thơ trong một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường và bài thơ thơ bảy chữ hiện đại <i>Mưa xuân</i>: + giống: mỗi dòng có bảy tiếng, cách gieo vần chân. + khác: thơ tứ tuyệt có 4 dòng thơ; thơ hiện đại không giới hạn số dòng thơ, có thể có nhiều khổ thơ. <p>Thơ bảy chữ hiện đại có dấu vết của thơ thất ngôn luật Đường nhưng cách gieo vần, ngắt nhịp và số dòng thơ tương đối tự do, linh hoạt.</p> <p>II. Tác giả và chủ thể lời thơ</p> <p>1. Tìm hiểu tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Bính là nhà thơ nổi tiếng của phong trào thơ Mới (xuất hiện ở Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945). - Thơ Nguyễn Bính đậm chất, thiết tha, gần gũi với ca dao, thể hiện tình yêu đối với làng quê và văn hóa truyền thống của dân tộc. - Nguyễn Bính có một hồn thơ “quê mùa” (Hoài Thanh, Hoài Chân) có lẽ vì qua thơ ông, người ta thấy được tính tình thuần hậu của con người và không khí đặc trưng của làng quê Việt Nam. |

gần gũi, dân dã

- Những tiếng nói thân thương được nhắc đến trong bốn khổ đầu: Tiếng nói của mẹ, của cha; tiếng diễn tả những âm thanh trong lao động, sinh hoạt (kéo gỗ, gọi đò, lựa xé, đưa nôi), diễn tả cảnh thiên nhiên (nước lũ, mưa), tiếng diễn tả những cung bậc tình cảm của con người (tình yêu, sự thủy chung, sự thất vọng, sự chua xót),...

- Những thanh âm của tiếng Việt đã gợi ra một không gian sống dân dã, với những hình thức lao động, sinh hoạt đời thường có tính chất truyền thống mang đặc trưng văn minh nông nghiệp của Việt Nam.

- Tiếng mẹ gọi gợi quang cảnh trời chiều, hoàng hôn sương khói đặc trưng đồng bằng Bắc bộ, những con cò trên ruộng, những đứa trẻ chăn trâu lừa trâu về nhà, những hàng cây xào xạc,... Đó là khung cảnh quen thuộc, thân thương, thể hiện một cuộc sống thanh bình, êm ả.

- Khởi đầu dòng cảm xúc về tiếng Việt là tiếng mẹ. Không phải ngẫu nhiên mà người ta thường dùng từ “tiếng mẹ đẻ” để chỉ ngôn ngữ tự nhiên của mỗi con người. Như thể bật ra từ trong vô thức, đối với nhà thơ, tiếng Việt đồng nhất với cảm quan về mẹ, ý niệm về tiếng Việt được hiện hình cụ thể ở “tiếng mẹ”. Âm thanh tiếng mẹ mở ra dòng suy tưởng rộng và sâu về ngôn ngữ dân tộc.

Tiếng Việt tạo thành không quyền, con người sống trong không quyền đó, tự nhiên như hít thở khí trời. Nhà thơ thể hiện sự bao bọc của tiếng Việt đối với tâm thức, hoạt động, sự sống của mỗi con người.

Câu thơ *Ta như chim trong tiếng Việt như rừng* là biểu thị sự hòa trộn của tiếng Việt trong từng nếp cảm, nếp nghĩ, nếp sống của người Việt. (Ý này sẽ được lặp lại ở những khổ thơ sau, làm nên kết cấu song hành trong thơ)

2. Cảm nhận về đẹp và sức sống của tiếng Việt

a. Về đẹp của tiếng Việt: như bùn, lựa, óng, mềm, tha thiết, nghe như hát, riu rít, các dấu thanh có sức gợi, cơ chế liên tưởng ngữ âm – ngữ nghĩa.

Biện pháp tu từ: so sánh (*Ôi tiếng Việt như bùn và như lựa...*), từ láy (riu rít...), chuyển đổi cảm giác (*Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh...*)

2. Chủ thể lời thơ

- Bài thơ là dòng cảm xúc của một cô gái xưng “em”. Chủ thể lời thơ là cô gái, nhưng được nhìn qua sự cảm nhận của nhà thơ. Như vậy, nhà thơ Nguyễn Bính đã nhập vai “em” – cô gái, để bộc lộ nỗi niềm của nhân vật. Nguyễn Bính có một số bài thơ nhập vai như: *Giọt nén hồng, Người mẹ, Giấc mơ anh lái đò...*

III. Kết cấu bài thơ**1. Bố cục văn bản****Khổ 1: Tự bạch**

Khổ đầu trưng tự mãn xưng danh báo tính trong chèo (Nhân vật tự giới thiệu về mình, tự đánh giá về mình). Nhân vật tự xác định “Em là”.

Khổ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8: Mùa xuân và câu chuyện hẹn hò

- Bài thơ có dáng dấp một câu chuyện (yếu tố tự sự), kể tình huống cô gái xin mẹ đi xem gánh hát chèo làng Đặng¹ hát ở bên thôn Đoài mà thực chất là tìm kiếm bóng hình một chàng trai sau lời hẹn từ đám hát trước nhưng không thành.

Lời thơ vừa là lời kể (bữa ấy, kể những lời mẹ nói, kể các hành động của nhân vật), vừa là lời tâm sự, bộc bạch những nỗi niềm của cô gái trẻ. Chuyện xảy ra trong không gian mùa xuân, có mưa bay, hoa xoan, có các nét phong tục đẹp (hát chèo), có bờ đê, ngõ nhỏ... Cảm xúc của nhân vật mở ra theo thời gian: lúc gánh hát chèo đến hát tối nay, chập tối, đi xem hát, đêm hát ở thôn Đoài, trở về, gánh hát chèo ra về. Không có khoảng thời gian chính xác, chỉ có các dấu hiệu chỉ thời gian, gọi cho người đọc hình dung về một dịp nào đó trong mùa xuân, làng có gánh hát chèo đến hát (thường là vào những

¹ Một gánh hát chèo nổi tiếng vùng Nam Định.

Vẻ đẹp của tiếng Việt được cảm nhận từ một hồn thơ gắn bó sâu sắc với quê hương, với điệu hồn dân tộc. Những câu thơ mang âm hưởng ca dao, chạm đến vùng tâm thức người Việt (khổ thơ thứ tư, cá lặn sao mờ...). Nhiều hình ảnh thơ đẹp, giàu sức gợi, kết nối liên tưởng, tạo nên sự hình dung cụ thể về âm, nghĩa của từ ngữ. Có những hình ảnh vừa có ý nghĩa cụ thể vừa mang tính tượng trưng. Cụm hình ảnh *bùn, lưa, tre ngà, tơ* vừa là sự hình tượng hóa đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của tiếng Việt (mềm mại, nhẹ nhàng, trau chuốt) vừa tượng trưng cho bản sắc Việt Nam (một nước Việt với văn minh lúa nước, nghề dệt lưa uơm tơ, xứ sở tre trúc và truyền thuyết...). Đặc biệt, nhà thơ đã dùng hình ảnh để diễn tả những cảm nhận tinh tế về giai điệu, về sự kết hợp âm và nghĩa của tiếng Việt. Thanh âm tiếng Việt phong phú, trầm bổng, chỉ cần nói thôi là dòng ngôn từ đã tự ngân nga (nói thường nghe như hát, ríu rít âm thanh). Cảm giác về các dấu thanh cũng hết sức độc đáo, như thể chúng có linh hồn, có thân phận (huyền trầm, ngã chênh vênh, hỏi dặng).

Cảm giác ngôn ngữ đi liền với sự trải nghiệm, sự sống mỗi con người trên quê hương xứ sở. Nhà thơ đã lấy nhiều “ví dụ” về sự kết hợp âm – nghĩa từ chính cảm giác về tiếng Việt của mình (vườn: rợp bóng lá cành; suối: mát; heo may: con đường.../ Lưu ý: bản in trong tập *Mây trắng của đời tôi* in nghiêng những từ này).

b. Sức sống của tiếng Việt trong dòng chảy lịch sử:

- Những chi tiết biểu thị lịch sử tiếng Việt: từ thuở chưa có chữ viết (*Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói*), những người đầu tiên hình thành tiếng nói (*Ai thuở trước nói những lời thứ nhất/ Còn thô sơ như mảnh đá thay rìu*) → trải qua lịch sử (từ thuở Loa Thành, thời Nguyễn Du) → hiện tại (*Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết/ Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi; điều anh nói hôm nay*) → mai sau (*Ai người sau nói tiếp những lời yêu*).

- Lịch sử tiếng nói chính là lịch sử tâm hồn, lịch sử văn hóa dân tộc. Tiếng Việt gắn với lịch sử dân tộc, trải qua những thăng trầm lịch sử, những nhọc nhằn cuộc sống, những chia cắt và hòa hợp... Khi thể hiện sức mạnh trường tồn của tiếng Việt, nhà thơ đã gọi ra những truyền thuyết (Truyện thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy), nhắc đến nhà thơ – nhà văn hóa kiệt xuất Nguyễn Du. Đây

ngày hội làng, các làng thường thay nhau tổ chức các đám hát). Thời gian ngắn ngủi, vừa đủ để khơi lên những cung bậc cảm xúc ở một cô bé chớm chạm vào những thồn thức yêu đương.

Khổ 9, 10: Xuân vãn và niềm hy vọng

Thời gian trôi đi, đã hết những ngày hội hè, cô gái lại ngóng chờ và hy vọng ngày đám sang năm gặp được chàng trai.

Như vậy, qua không gian, thời gian và sự xuất hiện của nhân vật “em”, nhà thơ đã mượn một câu chuyện tình để thổi hồn vào không khí, cảnh sắc làng quê Việt Nam cổ truyền hoặc ngược lại, mượn mưa xuân để gửi một câu chuyện tình.

2. Mạch cảm xúc

Bài thơ bộc lộ nhiều trạng thái cảm xúc của nhân vật xoay quanh tình huống thực hiện một cuộc “hò hẹn”. Tâm hồn thơ đại trót tin vào một lời hẹn vu vơ (*Năm tao bầy tuyết anh hò hẹn*) để rồi có can đảm vượt đường xa đi xem hát một mình mong được chạm mặt “anh” - người hò hẹn. (Đôi khi, đối với tuổi mới lớn, chỉ cần nhìn thấy người mình để ý đã trở thành một niềm hạnh phúc)

- Nhen nhóm tưởng tượng về một mối tình (*Lòng thấy giăng tơ một mối tình* biểu thị một cách tinh tế những cảm giác ban đầu về tình yêu, mong manh, đẹp đẽ mà cũng dễ tan biến) → thẹn thùng, xấu hổ (hai má em bùng đỏ: cảm giác thường thấy ở những cô gái mới lớn khi chạm đến chuyện yêu đương) → băn khoăn, mơ mộng, ước đoán (ngửa bàn tay hứng mưa, đoán *Thế nào anh ấy chả sang xem*).

- Cô gái xin đi xem hát nhưng “mãi tìm anh chả thiết xem” → thất vọng

là những dấu mốc văn hóa và lịch sử không người Việt nào không biết. Nhà thơ còn khẳng định sức mạnh của hồn dân tộc, khi con người cùng tiếng nói, cùng màu da (*Ai ở phía bên kia cảm nắng khác/ Cùng tôi trong tiếng Việt quay về*)...

- Phân tích sâu một số câu thơ:

Tiếng chẳng mất khi Loa thành đã mất: Một dân tộc có thể trải qua nhiều biến thiên lịch sử, có khi mất đất đai, phải di dân, có khi mất tiếng nói bản địa, dùng tiếng ngoại lai. Người Việt và dân tộc Việt dù có một lịch sử thăng trầm, có lúc bị đô hộ bởi ngoại xâm, nhưng tiếng Việt vẫn bền bỉ sống trong cộng đồng, như một sức mạnh gắn kết cộng đồng, bảo tồn và dung dưỡng văn hóa Việt. (Ngàn năm Bắc thuộc, ngàn năm trung đại dùng Hán ngữ trong các văn bản quan phương và chế độ thi cử, tiếng Việt vẫn trường tồn; đầu thế kỉ XX, khi đất nước bị đô hộ bởi người Pháp, nhiều nhà văn đã dồn tình yêu quê hương vào tình yêu tiếng Việt (Hoài Thanh), làm nên một giai đoạn văn học rực rỡ; Phạm Quỳnh từng khẳng định “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, dân tộc ta còn”, ý nói Truyện Kiều là thứ tiếng dân tộc được trau chuốt, tiếng còn thì không mất nước...)

Tiếng tui cực kể ăn câu ngũ quán/ Thành Nguyễn Du vàng vạc nổi thương đời: Đây là cách nhà thơ nêu một quy luật ngôn ngữ, đó là hiện tượng các nhà văn lớn có sức sáng tạo ngôn ngữ, trau chuốt những tiếng nói hàng ngày, làm đẹp và làm phong phú cho ngôn ngữ dân tộc. Đối với tiếng Việt, Nguyễn Du là một hiện tượng như thế. Tiếng tui cực kể ăn câu ngũ quán chính là tiếng nói hàng ngày, trong cõi nhân gian, gắn với số phận của biết bao người Việt mà Nguyễn Du đã chứng kiến trong những năm gió bụi. Những tiếng nói đó đã thấm vào những trang thơ “vàng vạc nổi thương đời”, hòa nhuyễn, trung cất thành những ngôn từ có sức lay động lớn mà biết bao người Việt Nam đã thuộc. Tiếng Việt không chỉ là một thứ tiếng nói, còn là tiếng lòng, còn là truyền thống nhân văn của người Việt.

c. Sức sống của tiếng Việt từ không gian địa lí:

- Từ không gian thân thuộc (cánh đồng, vườn, suối, mái cọ, tre ngà...) đến những nơi xa xôi (đảo, chân trời góc bể). Tác giả còn gián tiếp đặt tiếng Việt trong không gian rộng lớn hơn, vượt ngoài phạm vi đất nước (*Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng*)...

- GV cần kết nối với bài thơ để chỉ ra nỗi xúc động

(*Chờ mãi anh sang anh chẳng sang*)
→ hờn trách (*Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn/ Để cả mùa xuân cũng lỡ làng*).

- Buồn tủi, hơi bẽ bàng (*lâm lụi trên đường về, lạnh lùng thêm tủi với canh khuya*). Sau một thời gian, dường như nỗi buồn qua đi, cô lại bắt đầu hy vọng (*Bao giờ em mới gặp anh đây*).

3. Kết cấu lặp lại (song hành)

- Các dòng thơ cặp đôi:

+ *Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay/ Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay* → chuyển đổi thời gian từ chính xuân đến những ngày cuối xuân, cũng là sự chuyển đổi cảm xúc từ háo hức, hân hoan sang thất vọng, ngán ngại.

+ *Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy/ Hoa xoan đã nát dưới chân giày* → chuyển từ không gian đẹp sang tình trạng những bông hoa đã bị giẫm nát, cũng là sự chuyển đổi từ tâm trạng yêu đời đến sự bẽ bàng, tan một giấc mơ.

+ *Mưa bụi nên em không ướt áo/ Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt* → lúc đi đây háo hức, không quản trời mưa, đi nhanh, lúc về lâm lụi, chậm chạp, tủi hờn, lòng trĩu nặng, trời như trêu người (áo mỏng < mưa nặng hạt).

+ *Thôn Đoài cách có một thôi đê/ Có ngần gì đâu một dải đê* → lúc đi khắp khơi, háo hức, không thấy đường xa, lúc về trong thất vọng, thấy con đường dài dằng dặc.

+ *Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ/ Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ* → giới hạn thời gian câu chuyện.

+ *Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tới nay”/ Mẹ bảo: “Mùa xuân đã cạn ngày”* → đánh dấu các mốc thời gian.

[+*Mẹ bảo: xem về kể mẹ nghe/ Hôm sau mẹ hỏi hát trò gì* (Khô này bị

của nhà thơ khi đặt tiếng mẹ giữa những thứ tiếng khác (rung rinh nhịp đập trái tim người).

Tiếng Việt là hồn Việt, là bản sắc Việt, là tiếng mẹ thiêng liêng gắn kết con người với cộng đồng.

3. Cảm nhận về sự hòa hợp giữa mỗi cá nhân và tiếng mẹ đẻ; trách nhiệm người cầm bút với tiếng nói dân tộc.

- Điều thể hiện sự hòa hợp, không thể chia cắt, đồng chất, một sự liên kết tự nhiên, hiển nhiên, không gì phá vỡ được của mỗi cá nhân với cộng đồng qua tiếng nói. Tiếng Việt trở thành sự sống của mỗi con người. Cặp so sánh *chim – rừng/ muối – biển*, biểu thị sự hòa hợp này. Nhà thơ đã sáng tạo các hình ảnh cụ thể đó để diễn tả những suy nghĩ vốn không có hình hài về mối quan hệ của con người với tiếng nói dân tộc.

- Bài thơ không chỉ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của một công dân, một người con nước Việt biết yêu và gắn bó sâu sắc với tiếng mẹ đẻ, mà còn thể hiện ý thức trách nhiệm của một người cầm bút đối với việc bảo tồn, làm trong sạch, phong phú, làm đẹp hơn tiếng Việt.

- Tiếng Việt, thứ tiếng vẫn nói hàng ngày, như thể ta chẳng bao giờ để ý, như không khí để thở. Khi nhận ra vẻ đẹp diệu kì và ân tình trao truyền của các thế hệ tiền nhân, sự hòa hợp kết nối của cả cộng đồng qua tiếng mẹ, có lẽ nhà thơ cảm nhận rõ sự thiêng liêng của mỗi từ được phát ra nên có cảm giác “môi tôi hôi hạp quá”. Mỗi lời nói sẽ là một sự trân trọng tiếng Việt, một ý thức giữ vẹn tròn tiếng nói cha ông.

- Thơ là tiếng nói trực tiếp của cảm xúc. Các thán từ biểu lộ trực tiếp lòng yêu tha thiết tiếng Việt của nhà thơ.

VI. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo

- Căn cứ xác định chủ đề: nhan đề, mạch cảm xúc, hình ảnh... Cảm hứng chủ đạo: là tình cảm sâu sắc, mãnh liệt chi phối toàn bộ cách thể hiện đời sống, con người và sự lựa chọn hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.

- Các yếu tố xác định chủ đề bài thơ: tên bài thơ (Tiếng Việt), mạch cảm xúc (cảm nhận tiếng Việt qua cuộc sống đời thường gần gũi, dân dã; cảm nhận vẻ đẹp và sức sống của tiếng Việt; cảm nhận về sự hòa hợp giữa mỗi cá nhân và tiếng mẹ đẻ; trách nhiệm người cầm bút với tiếng nói dân tộc), các hình

lược trong *Tuyển tập Nguyễn Bình*, nhưng có trong *Thơ Mới 1932-1945 tác giả và tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn 2004: *Em giận hồn anh cho đến sáng/ Hôm sau mẹ hỏi hát trò gì/”Thưa u họ hát...”*. Rồi em thấy/Nước mắt tràn ra, em ngoảnh đi].

Sự lặp lại đối xứng (hoặc sự tương phản) hình ảnh, sự lặp lại cấu trúc câu thơ đã tạo ra những đẳng đối kì lạ, bất ngờ, thú vị cho bài thơ, cho thấy những biến đổi tinh tế trong tâm hồn nhân vật, tạo sự đối lập kín đáo (cuộc đi xem hát trở thành một cuộc phiêu lưu trong cảm giác tình yêu của cô bé mới lớn).

IV. Ngôn ngữ thơ

- *Giàu sức gợi*

+ hình như, có lẽ, thế nào.. chả, chắc hẳn, bao giờ... gặp anh đây...

+ cảm xúc gợi ra qua cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể: dùng thoi lại (mơ tưởng, lơ đãng), hai má bừng đỏ (xấu hổ, thẹn thùng, rạo rực), ngửa bàn tay hứng mưa (trôi theo dòng mơ tưởng, đoán định)

- *Giàu hình ảnh, hình ảnh mang hàm nghĩa*

+ Hình ảnh khung cửa, lụa trắng vừa gợi hoàn cảnh sống (nơi thôn dã) của cô gái vừa gợi hình ảnh cô gái trẻ, còn non nớt, vẫn sống trong khuôn phép gia đình, trong trắng, thơ dại, chưa va chạm nhiều với cuộc sống.

+ Hình ảnh mưa xuân: vừa diễn tả không gian đặc trưng của mùa xuân miền Bắc vừa có ý nghĩa diễn tả mùa xuân của cuộc đời (tuổi trẻ). Mưa xuân gợi chồi lộc biếc, tuổi xuân bùng lên những cảm xúc mới mẻ.

- *Giàu nhạc tính*

- Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, lời trữ tình xen lời kể, ngữ điệu thay

ảnh thơ giàu sức gợi, thể hiện đặc trưng lối sống, văn hóa Việt...

Khái quát chủ đề: vẻ đẹp, sức sống, sự gắn bó, ý thức trách nhiệm với tiếng mẹ đẻ.

- Bài thơ thể hiện nhiều cung bậc tình cảm, cảm xúc: yêu thương, trân trọng, gần gũi, đau xót, tự hào, ghen ngạo, hy vọng, hồi hộp, ân tình, tê tái... Tình cảm nổi bật nhất là tình yêu tha thiết đất nước, quê hương và các giá trị văn hóa của dân tộc. Tình cảm này chi phối đến tất cả các nét tình cảm, cảm xúc khác. Chính vì vậy, nó trở thành cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Tình cảm mãnh liệt làm nên cảm hứng chủ đạo. Tình cảm này chi phối toàn bộ hoạt động sáng tạo, từ kết cấu, nhịp điệu, tạo dựng hình ảnh, lựa chọn từ ngữ, biện pháp tu từ... Bạch Cư Dị từng nói: Thơ lấy tình làm gốc, lời làm chồi, tiếng làm hoa, nghĩa làm quả. Cái gốc của thơ là tình cảm, cảm xúc. Đọc thơ cần cảm nhận được tình cảm, cảm xúc đó.

Cảm hứng mãnh liệt về quê hương đất nước đã được Lưu Quang Vũ bộc lộ ở nhiều bài thơ, làm nên nét phong cách thơ ở ông. Trong bài thơ *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, nhà thơ đã viết: *Ước chi được hóa thành ngọn gió/ Để được ôm trọn vẹn nước non này.*

Yêu tiếng mẹ đẻ, thứ tiếng làm *Tôi say mê với tất cả tâm hồn* (R.Gamzatop), cũng là yêu đất nước, quê hương. Cảm hứng này có ở nhiều nghệ sĩ, mỗi tác phẩm lại có những cách biểu hiện khác nhau. Trong ca khúc *Tình ca*, nhạc sĩ Phạm Duy đã bày tỏ tình yêu ấy bằng những ca từ da diết: *Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi!, Tiếng nước tôi, tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi/ Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi!*

đổi theo tâm trạng, khi thì háo hức, khi thì hờn dỗi, khi lại đầy hy vọng.

(Phần này cần có những kết nối với bài *Tiếng Việt* ở các đặc điểm ngôn ngữ thơ)

V. Cảm hứng chủ đạo

- Bài thơ là sự cảm nhận rất tinh tế về hồn người, sự hóa thân kì diệu của nhà thơ trên hành trình tìm kiếm những rung động non tơ của tuổi trẻ. *Mùa xuân* là khúc hát về mùa xuân của đất trời và mùa xuân của đời người, về sự mong manh, trong trẻo, bông bột, ngây thơ, về sức sống, niềm tin và khát vọng tình yêu của con người.

- Lồng vào không gian mùa xuân một câu chuyện hẹn hò không thành, giải bày những rung động đầu đời về một mối cảm tình mới nhen, nhà thơ đã ghim vào tâm hồn người đọc một cảm xúc mùa xuân rất riêng, một điệu chân quê giữa nhiều tiếng thơ mới mẻ của phong trào Thơ mới đầu thế kỉ XX.

- Bài thơ được nhạc sĩ Huy Thục phổ nhạc.

Cả hai mô hình thiết kế này đều có logic đi từ xác định thể thơ, xác định chủ thể lời trong quan hệ với tác giả, đến khai thác kết cấu văn bản thơ, khái quát cảm hứng chủ đạo, đánh giá giá trị tác phẩm và đặt nó trong mạch chủ đề của nhiều tác phẩm hoặc trong bối cảnh rộng của lịch sử văn học. Như vậy giáo viên cần xâu chuỗi những tri thức học sinh đã được học, mở rộng, nâng cao cách tiếp cận, đánh giá tác phẩm thơ. Lúc này, sách giáo khoa thực sự là người bạn đồng hành, khơi gợi, đề xuất, dẫn dắt để giáo viên thiết kế bài dạy. Giáo viên có thể chọn những ngữ liệu khác để đạt mục tiêu dạy học. Như vậy, vai trò của giáo viên là đạo diễn giờ dạy, làm đầy nội dung dạy học bằng chính khả năng của mình, thoát khỏi những cái khung bó buộc, vươn đến sự khai phóng, hướng đến sự thức tỉnh tính nhân văn ở người học. Suy cho cùng, tất cả các công cụ khai thác tác phẩm (lí thuyết thể loại) sẽ biến thành thao tác, thành kĩ năng. Đến một lúc nào đó, kĩ năng sẽ trở thành phần

xạ để tiếp cận các đối tượng văn học. Người ta sẽ quên kỹ năng để hướng đến sự cảm nhận cuộc sống sinh động, phong phú, đa dạng ẩn chứa trong các thể giới nghệ thuật của tác phẩm văn học.

3. KẾT LUẬN

Đặc trưng thể loại cần trở thành “một dụng cụ vô hình” (Tz.Todorov) để khám phá tác phẩm văn học. Chúng ta không dạy cho học sinh thành các chuyên gia văn học mà dạy các em thành người hiểu biết chính con người một cách sâu sắc. Từ những đề xuất nội dung dạy học thể loại thơ ở trên, có thể thấy độ mở, sự linh hoạt trong dạy học, không biến tri thức thể loại thành “công thức” để áp đặt cho học sinh giải mọi bài toán tâm hồn được ẩn trú trong tác phẩm văn học. Bài học về thể loại thơ sáu chữ, bảy chữ, tám chữ hiện đại không chỉ nhằm giúp học sinh nắm được đặc trưng thể loại thơ mà quan trọng là hiểu được muôn điệu hồn thơ, hiểu thế giới cảm xúc tinh tế, phong phú của con người, nói rộng chân trời giao lưu với người khác, trải nghiệm nhiều cảm giác, có khoái cảm thẩm mỹ đặc biệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Bá Đình (2011), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Nhiều tác giả (2004), *Thơ mới 1932 – 1945 - Tác giả và tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Trần Đình Sử (chủ biên) (2008), *Lí luận văn học*, Tập 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Tzvetan Todorov (2010), *Văn chương lâm nguy*, Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch, Trần Thiện Đạo hiệu đính, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Lưu Quang Vũ (1989), *Mây trắng của đời tôi*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.

SOME THOUGHTS ON TEACHING POETRY ACCORDING TO GENRE CHARACTERISTICS (A CASE OF TEACHING POEMS “TIẾNG VIỆT” BY LUU QUANG VU AND “MƯA XUÂN” BY NGUYEN BINH)

Abstract: *The General Education Program 2018 for Literature curriculum at high school mainly focus on teaching literary texts by genre. In this article, we present our views on teaching modern poetry. Genre is a quite complex subject. Therefore, when designing lectures, it is necessary to comply with the requirements of the lesson, choose and create flexible lesson structures according to the characteristics of the genre in general and specific expression of each lesson. Teaching poetry follows to special genres requires open minded, flexibility and not imposed genre knowledge into "formulas".*

Keywords: *Teaching contents, literary genre, designing lectures, lyrical poetry.*